

BẢNG SO SÁNH
DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ 14/2014/TTBKHCN

Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014	Thông tư sửa đổi, bổ sung	Lý do
<p><i>Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</i></p>	<p>- Sửa đổi</p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;</i></p> <p>- Bổ sung</p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng;</i></p>	<p>Sửa đổi dẫn chiếu</p>
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
<p>Thông tư này hướng dẫn thủ tục, trình tự và hình thức:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành. 2. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 3. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 4. Công bố và cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và 	<p>Giữ nguyên</p>	

Khoản 3 Điều này.		
Điều 2. Đối tượng áp dụng		
1. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức đặt hàng, cơ quan phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Tách khoản 1 thành 2 khoản: 1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. 1a. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Để bảo đảm rõ các đối tượng áp dụng của Thông tư trong thực tế
2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Giữ nguyên	
3. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh; cá nhân thực hiện nhiệm vụ thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Sửa đổi khoản 3 (bãi bỏ cụm từ “cá nhân thực hiện nhiệm vụ thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.” 3. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh.	Để bảo đảm rõ các đối tượng áp dụng của Thông tư trong thực tế
	Bổ sung khoản 4 4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quá trình thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Để bảo đảm rõ các đối tượng áp dụng của Thông tư trong thực tế
Điều 3. Giải thích từ ngữ		
Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. " <i>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước</i> " là các nhiệm vụ được quy định tại Khoản 2 các Điều 25, 26, 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của	Giữ nguyên	

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ.		
2. " <i>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành</i> " là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang được triển khai thực hiện trong thực tế tính tại thời điểm cung cấp thông tin.	Giữ nguyên	
3. " <i>Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i> " là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện; phần mềm.	Thay thế cụm từ “phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện; phần mềm.” thành cụm từ “dữ liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm, bài báo khoa học.”	Để bảo đảm đầy đủ sản phẩm khi giao nộp kết quả nhiệm vụ KH&CN
4. " <i>Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i> " là việc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khai báo và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Giữ nguyên	
5. " <i>Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i> " là đơn vị được thủ trưởng cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp quản lý nhiệm vụ.		
Điều 4. Sử dụng bảng phân loại khoa học và công nghệ		
Trong quá trình xử lý thông tin nhằm xác định lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ,	Giữ nguyên	

<p>mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải sử dụng Bảng phân loại thông kê khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.</p>		
<p>Điều 5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật nhà nước, an ninh, quốc phòng</p>		
<p>1. Việc thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành; đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, đơn vị quản lý, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xác định độ mật, đóng dấu độ mật và phạm vi lưu hành của tài liệu, giao nộp trực tiếp theo chế độ mật về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.</p> <p>3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện thì việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>Chương II. THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH</p>		
<p>Điều 6. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học</p>		

<p>và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước</p>		
<p>1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được ký kết, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thu thập thông tin và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.</p>	<p>1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được ký kết và có hiệu lực, đơn vị quản lý kinh phí, đơn vị quản lý nhiệm vụ và tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, hoặc ứng dụng công nghệ thông tin để liên thông, cập nhật thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo thời gian thực.</p>	<p>Để rút ngắn thời gian cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN vào CSDL quốc gia về KH&CN và đáp ứng yêu cầu quản lý nhiệm vụ KH&CN theo thời gian thực.</p>
<p>2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước được đưa vào 01 Phiếu thông tin theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên nhiệm vụ; mã số nhiệm vụ (nếu có); b) Thông tin về tổ chức chủ trì nhiệm vụ, cơ quan chủ quản; c) Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính; d) Thông tin về tổ chức phối hợp triển khai nhiệm vụ; đ) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ; e) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ; g) Phương pháp nghiên cứu; h) Kết quả dự kiến; i) Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến; k) Thời gian dự kiến bắt đầu; thời gian dự kiến kết 	<p>- Sửa đổi khoản 2 như sau: “Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm các nội dung quy định theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này”</p>	<p>Bảo đảm thông tin phù hợp với trường thông tin quy định tại Thông tư 05/2021/TT-BKH&CN</p>

<p>thúc; 1) Kinh phí thực hiện được phê duyệt.</p>		
<p>3. Quy định việc gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước như sau: a) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; b) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ; c) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh; d) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ các cấp tài trợ được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cùng cấp.</p>	<p>Bổ</p>	<p>Đã quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan tại Khoản 1 Điều này</p>
<p>4. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nội dung sửa đổi, bổ sung được phê duyệt, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Phiếu cập nhật thông tin theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 3</p>	<p>4. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin về nhiệm vụ, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nội dung sửa đổi, bổ sung được phê duyệt, các đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 6 có trách nhiệm cập nhật thông tin nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.</p>	<p>Quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan phù hợp với Khoản 1 Điều này</p>

Điều này.		
Điều 7. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	Sửa đổi từ 7 khoản thành 2 khoản như sau:	
1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi được cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định, được khuyến khích cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này.	1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước sau khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý về khoa học và công nghệ thẩm định, được khuyến khích cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.	Gộp và sửa đổi Khoản 1, 2, 3, 4 để thống nhất với các quy định tại Điều 6 Thông tư này
2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước được đưa vào 01 Phiếu thông tin theo Mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung: a) Tên nhiệm vụ; b) Thông tin về tổ chức chủ trì nhiệm vụ (nếu có); c) Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính; d) Thông tin về tổ chức phối hợp triển khai nhiệm vụ (nếu có); đ) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ; e) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ; g) Phương pháp nghiên cứu; h) Kết quả dự kiến; i) Thời gian dự kiến bắt đầu; thời gian dự kiến kết thúc; k) Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến; l) Kinh phí thực hiện.		
3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc bộ, ngành nào thì gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ		

<p>khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của bộ, ngành đó.</p>		
<p>4. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương nào thì gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh của địa phương đó.</p>		
<p>5. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm cập nhật thông tin sửa đổi, bổ sung vào Phiếu cập nhật thông tin theo Mẫu 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Không cần quy định này</p>
<p>6. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn liên quan</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Cơ quan quản lý nhiệm vụ căn cứ vào quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học và công nghệ để xác định nhiệm vụ KH&CN</p>
<p>7. Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và</p>		

công nghệ có thẩm quyền thẩm định. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được quyền truy cập và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định thì thông tin về nhiệm vụ này không được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.	Bỏ	Không cần quy định này
Điều 8. Hình thức và cách thức gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành	Bỏ	Đã quy định cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành vào CSDL quốc gia về KH&CN tại Khoản 1 Điều 6
1. Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành gồm bản giấy và bản điện tử. Phiếu thông tin bản giấy phải có xác nhận của đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Phiếu thông tin bản điện tử phải lưu giữ theo định dạng Rich text (.rtf) hoặc định dạng Word của Microsoft (.doc hoặc .docx) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Phiếu thông tin bản điện tử không được đặt mật khẩu.		
2. Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành được gửi trực tiếp, qua đường bưu chính và phương thức điện tử về các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 3 Điều 6, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 Thông tư này.		
3. Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành thuộc danh mục bí mật nhà nước được		

giao nộp trực tiếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.		
Điều 9. Xử lý thông tin và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	Bỏ	Đã quy định cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành vào CSDLQG về KH&CN tại Khoản 1 Điều 6
Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 2 Điều 6, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 Thông tư này có trách nhiệm xử lý thông tin và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
Chương III. ĐĂNG KÝ VÀ LƯU GIỮ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
Điều 10. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này.		
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 Thông tư này.		

<p>3. Đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:</p> <p>a) Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi được cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu chính thức, thực hiện đăng ký kết quả theo Khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi được nghiệm thu chính thức, thực hiện đăng ký kết quả tại các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức.</p>		
<p>4. Khi tiến hành thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử);</p> <p>b) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử);</p> <p>c) Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát (nếu có, bản điện tử);</p> <p>d) Bản đồ; bản vẽ; ảnh; tài liệu đa phương tiện (nếu có, bản điện tử);</p> <p>đ) Phần mềm (bao gồm cả mã nguồn, nếu có).</p>	Bỏ	Đã quy định tại Điều 12
<p>Điều 11. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>	Giữ nguyên	
<p>1. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia</p>		

<p>thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền về:</p> <p>a) Thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương và cấp bộ tài trợ;</p> <p>b) Lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ các cấp tài trợ.</p>		
<p>2. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ có thẩm quyền về:</p> <p>a) Thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong phạm vi quản lý của bộ;</p> <p>b) Lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý tài trợ.</p>		
<p>3. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý tài trợ.</p>		
<p>Điều 12. Hồ sơ và thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng</p>		

ngân sách nhà nước		
1. Hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm:		Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế
a) 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Giữ nguyên	
b) 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức);	b) 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đóng bìa cứng, gáy vuông, trên trang bìa lót bên trong phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức	
c) 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. 01 bản điện tử Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu;	Giữ nguyên	
d) 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có), Đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp;	Giữ nguyên	
	Bổ sung điểm e	Bảo đảm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được chỉnh

	“e) 01 bản sao Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu có xác nhận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.”	sửa theo ý kiến của Hội đồng
2. Đối với hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm nộp thêm 01 Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử), Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử) cho cơ quan đăng ký để gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.	Bỏ	Không cần quy định này. Khoản 1 Điều 6 đã quy định trách nhiệm của tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin cấp tỉnh cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN lên CSDL quốc gia về KH&CN và Khoản 3 Điều 18 quy định việc lưu giữ hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3. Tài liệu giấy quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải đóng bìa cứng, gáy vuông, trên trang bìa lót bên trong phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.	Bỏ	Đã quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này
	Bổ sung khoản 3a như sau: “3a. Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi bảo đảm qua đường bưu chính: tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký và giao nộp các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này. b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Hệ thống đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công	

	<p>nghệ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bộ, ngành và địa phương; giao nộp tài liệu được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 tại các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này”.</p>	
<p>4. Tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xác định độ bảo mật thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành và thông báo với tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.</p>		
<p>5. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Thời điểm giao, nhận hồ sơ hợp lệ được ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Mẫu 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>		
<p>6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký xem xét hồ sơ, cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này theo thẩm quyền cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>		
<p>7. Hồ sơ và Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được</p>		

gửi trực tiếp hoặc gửi bảo đảm theo đường bưu chính.		
Điều 13. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước		
1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký và lưu giữ tại các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này sau khi được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền công nhận.	Giữ nguyên	
2. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm: a) 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ; b) 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các báo cáo, tài liệu liên quan khác (nếu có); Bản giấy báo cáo tổng hợp kết quả phải đóng bìa cứng, gáy vuông, trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ; c) 01 văn bản chứng nhận kết quả đã được công nhận của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.		
3. Hồ sơ đăng ký kết quả có thể được gửi trực tiếp hoặc gửi bảo đảm theo đường bưu chính.	3. Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3a Điều 12 Thông tư này	bổ sung để phù hợp với Chính phủ điện tử
4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ được quy định tại Khoản 2 của Điều này, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký xem xét hồ sơ, cấp		

Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này theo thẩm quyền cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
5. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền công nhận. Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả được quyền truy cập và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền công nhận thì thông tin về kết quả của nhiệm vụ này không được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.		
Điều 14. Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
1. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký theo thủ tục phân cấp như đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 Thông tư này.		
2. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm: 01 Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước theo		

Mẫu 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		
3. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản xác nhận việc đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước, tổng hợp thông tin và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.		
Điều 15. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Giữ nguyên	
1. Tổ chức, cá nhân hoàn thành đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		
2. Mỗi kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và không cấp lại.		
3. Trường hợp có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		
4. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là một trong những cơ sở xác nhận hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện và có giá trị là một trong các điều kiện cho các hoạt động sau đây: a) Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao chủ trì thực hiện; b) Xác nhận tổ chức, cá nhân chủ trì và tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;		

<p>c) Xác nhận công trình nghiên cứu trong hồ sơ tham gia xét công nhận đạt chức danh khoa học, phong tặng các danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ;</p> <p>d) Một trong những căn cứ để phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p>		
<p>Điều 16. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>1. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong trường hợp sau:</p> <p>a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đúng sự thật;</p> <p>b) Giả mạo chữ ký và con dấu trong hồ sơ đăng ký.</p> <p>2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình cấp.</p>		
<p>Điều 17. Giao nộp và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Thực hiện phân cấp cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở.</p>
<p>1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 11 có trách nhiệm định kỳ cuối tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm tổng hợp và gửi các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 12 về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.</p>		

<p>2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cơ quan đăng ký có trách nhiệm định kỳ cuối tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm tổng hợp và gửi các bản điện tử của báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.</p>		
<p>3. Ngay sau khi nhận được các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo xác nhận bằng văn bản với cơ quan đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p>		
<p>Điều 18. Lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký</p>	Giữ nguyên	
<p>1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký là tài liệu chuyên môn nghiệp vụ có giá trị bảo quản vĩnh viễn, cần thiết cho hoạt động khoa học và công nghệ, được lưu giữ lâu dài và không phải chuyển vào lưu trữ lịch sử theo quy định của Điều 15 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ</p>		
<p>2. Các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 Thông tư này có trách nhiệm tổ chức kho lưu giữ và phục vụ việc khai thác, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>		
<p>Chương IV. THU THẬP THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</p>		
<p>Điều 19. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước</p>		

<p>1. Những loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây phải thực hiện cung cấp thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:</p> <p>a) Đề tài khoa học và công nghệ; b) Đề án khoa học; c) Dự án sản xuất thử nghiệm; d) Dự án khoa học và công nghệ.</p>	Giữ nguyên	
<p>2. Tính từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được nghiệm thu chính thức, định kỳ 12 tháng một lần và trong giai đoạn 5 năm liên tiếp, tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư này và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này để tổng hợp và báo cáo cho các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.</p>	Giữ nguyên	
<p>3. Quy định việc gửi Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước như sau:</p> <p>a) Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ cấp quốc gia được gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; b) Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ</p>	Giữ nguyên	

<p>quan thuộc Chính phủ được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ;</p> <p>c) Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh;</p> <p>d) Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ các cấp tài trợ được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cùng cấp.</p>		
<p>4. Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm về tính chính xác các nội dung của báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>	Giữ nguyên	
<p>Điều 20. Nội dung thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>		
<p>1. Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:</p> <p>a) Tên nhiệm vụ;</p> <p>b) Loại hình nhiệm vụ;</p> <p>c) Thông tin về cá nhân, tổ chức chủ trì nhiệm vụ;</p> <p>d) Lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu kinh tế - xã hội;</p> <p>đ) Lĩnh vực ứng dụng;</p> <p>e) Địa chỉ ứng dụng;</p> <p>g) Quy mô ứng dụng;</p> <p>h) Hiệu quả ứng dụng;</p>		

<p>i) Hiệu quả về kinh tế; k) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường; l) Phương thức chuyển giao kết quả, mức độ thương mại hóa; m) Tài liệu sở hữu trí tuệ.</p>		
<p>2. Tùy theo loại hình nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư này, nội dung thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được trình bày theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.</p>		
<p>Điều 21. Hình thức và cách thức cung cấp thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>	Giữ nguyên	
<p>1. Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm bản giấy và bản điện tử. Phiếu thông tin bản giấy phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Phiếu thông tin bản điện tử phải lưu giữ theo định dạng Rich text (.rtf) hoặc định dạng Word của Microsoft (.doc hoặc .docx) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Phiếu thông tin bản điện tử không được đặt mật khẩu.</p> <p>2. Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính và phương thức điện tử về các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư này.</p> <p>3. Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện</p>		

<p>nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được giao nộp trực tiếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.</p>		
<p>Điều 22. Báo cáo tổng hợp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư này, trên cơ sở phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhận được trong năm, có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gửi về cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành và địa phương và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Báo cáo tổng hợp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các bộ, ngành và địa phương được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính và phương thức điện tử về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>2. Trên cơ sở các báo cáo tổng hợp về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của bộ, ngành và địa phương, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm xử lý, tổng hợp và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước.</p>		
<p>Chương V. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</p>		
<p>Điều 23. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước</p>		

<p>1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình và của cơ quan chủ quản tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.</p>	Giữ nguyên	
<p>2. Những nội dung thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành được công bố công khai trên trang thông tin điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên nhiệm vụ; b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; c) Họ và tên chủ nhiệm vụ; d) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ; đ) Lĩnh vực nghiên cứu; e) Phương pháp nghiên cứu; g) Kết quả dự kiến; h) Thời gian bắt đầu dự kiến và thời gian kết thúc dự kiến. 	Giữ nguyên	
<p>3. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này có trách nhiệm gửi Báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành trong năm theo Mẫu 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	Bỏ	
<p>4. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có</p>		

<p>trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành các cấp trên quy mô toàn quốc trong năm trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>		
<p>Điều 24. Công bố thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước</p>		
<p>1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo phân cấp, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành trên trang thông tin điện tử của mình.</p>	Giữ nguyên	
<p>2. Những nội dung thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên nhiệm vụ; b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; c) Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và người tham gia chính; d) Mục tiêu của nhiệm vụ; đ) Kết quả thực hiện (tóm tắt); e) Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc; g) Kinh phí thực hiện. 	Giữ nguyên	
<p>3. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm gửi Báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm theo Mẫu 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về cơ quan nhà</p>	Bỏ	<p>đã quy định trách nhiệm của tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cập nhật vào CSDL quốc gia về KH&CN. Cục Thông tin có trách nhiệm trích xuất dữ liệu để báo cáo được quy định tại Khoản 4 Điều này</p>

<p>nước quản lý về khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>		
<p>4. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm, công bố danh mục kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Bổ sung ”Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm, công bố danh mục kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp trên Cổng thông tin điện tử của mình và liên kết với Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Bổ sung mốc thời gian công bố</p>
<p>Điều 25. Công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước</p>		
<p>1. Các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; tổng hợp và công bố báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình; Tổng hợp số liệu về số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng trong năm theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi báo cáo về cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>		
<p>2. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>		

các cấp trên quy mô toàn quốc trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
Điều 26. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
Sau khi các tổ chức, cá nhân đã tự nguyện cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thì các nội dung thông tin này sẽ được xử lý và công bố công khai theo quy định tại các Điều 23, 24, 25 của Thông tư này.		
Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN		
Điều 27. Xử lý vi phạm		
1. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị hạn chế việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau: “1. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị xử lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13/6/2019 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử, Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 và các quy định pháp luật hiện hành.”	
2. Trong trường hợp tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ, đơn vị quản lý	Bỏ	Không khả thi

<p>nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao nêu tại Thông tư này, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có quyền hạn chế quyền truy cập, khai thác hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và xem xét kiến nghị, đề xuất điều chỉnh kinh phí hoạt động thông tin khoa học và công nghệ của tổ chức, đơn vị trong kế hoạch hàng năm.</p>		
<p>Điều 28. Hiệu lực thi hành</p>		
<p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2014. 2. Thông tư này thay thế Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2011/TT-BKHHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 13/2012/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2022. 2. Thông tư này được sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p>	
<p>Điều 29. Trách nhiệm thi hành</p>		
<p>1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ định tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của đơn vị mình và thông báo về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 10 năm 2014. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này. 3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn,</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.		
---	--	--

PHỤ LỤC		
Mẫu 2 Phiếu thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	Bỏ	Dùng chung Mẫu 1
Mẫu 3 Phiếu cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước	Bỏ	Cập nhật vào CSDL khi có thay đổi
Mẫu 4 Phiếu cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	Bỏ	Cập nhật vào CSDL khi có thay đổi
Mẫu 5 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước	Thay thế do sửa đổi nhiều nội dung tại Mẫu 5 - Bổ sung “Lĩnh vực nghiên cứu” “Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì Cơ quan cấp kinh phí” “16. Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ” - Sửa đổi: “6. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Địa chỉ, Điện thoại, Website, Email.” “8. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Họ và tên, Giới tính, Trình độ học vấn, Chức danh khoa học, Điện thoại, E-mail.” “ 9. Tổng kinh phí (triệu đồng):	Đề phù hợp với tình hình quản lý thực tế và thống nhất với Khoản 1 Điều 12 Thông tư này

	<p>Bằng chữ: Trong đó, từ ngân sách nhà nước (triệu đồng)” 10. Thời gian thực hiện: tháng, (bắt đầu từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)”.</p> <p>17. Hồ sơ giao nộp (ghi số lượng cụ thể):</p> <p>17.1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử);</p> <p>17.2. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử);</p> <p>17.3. Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có, bản điện tử);</p> <p>17.4. Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản giấy hoặc bản điện tử);</p> <p>17.5. Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu có xác nhận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và của tổ chức chủ trì nhiệm vụ</p> <p>17.6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các thành viên về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có, bản giấy hoặc bản điện tử);</p> <p>17.7. Tài liệu khác.</p>	
<p>Mẫu 6 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

Mẫu 7 Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
Mẫu 8 Phiếu mô tả công nghệ	Giữ nguyên	
Mẫu 9 Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Giữ nguyên	
Mẫu 10 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
Mẫu 11 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước	Giữ nguyên	
Mẫu 12 Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	- Bổ sung thêm mục 1.2a và 1.2b như sau: “1.2a. Cấp quản lý nhiệm vụ 1.2b. Mã số nhiệm vụ” - Bổ sung mục 1.10 và mục 1.11 như sau: “1.10. Địa chỉ ứng dụng” 1.11 Thời gian ứng dụng (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)”	Để phù hợp với tình hình quản lý thực tế
Mẫu 13 Biểu báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành trong năm	Bỏ	Để thống nhất với Điều 23 Thông tư này
Mẫu 14 Biểu báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm	Bỏ	Để thống nhất với Điều 24 Thông tư này
Mẫu 15 Biểu báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng trong năm	Giữ nguyên	

